

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 29-8-2025.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 16 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Quang Vinh và ông Đinh Xuân Thủy.

- Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2015/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; Đăng ký thường trú: Xóm F, Thôn Đ, xã N, tỉnh Lâm Đồng. Nơi ở hiện nay: số F, đường số A (S), xã N, tỉnh Lâm Đồng; *Vắng mặt, đã có đơn xét xử vắng mặt.*

2. *Bị đơn:* ông Trần Văn N1, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Xóm F, Thôn Đ, xã N, tỉnh Lâm Đồng; *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà N và ông Trần Văn N1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã Đ năm 2003. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hòa thuận hạnh phúc nên bà N yêu cầu được ly hôn. Nguyên nhân ly hôn là do bà N thường bị ông N1 hành hung, đánh đập; phát sinh mâu thuẫn từ việc ông N1 cờ bạc không chăm lo cho gia đình và kinh tế trong gia đình. Bà N và ông N1 cũng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Về con chung: Bà N và ông N1 có 02 người con chung tên là Trần Văn N2, sinh năm 2004 và Trần Văn K, sinh năm 2008. Bà N yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu K cho đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

[2]. Bị đơn ông Trần Văn N1, sinh năm 1979 có nơi cư trú tại Thôn Đ, xã N, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không tham gia tố tụng và vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của **ông N1** và cũng không tiến hành hòa giải được.

[3]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N; xử cho bà N được ly hôn với ông Trần Văn N1; về con chung: giao cháu Trần Văn K, sinh ngày 26/12/2008 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên; ông N1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản; Về án phí: buộc bà N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng đã có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Văn N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Bà Nguyễn Thị N yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Văn N1 và yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác; nên quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Trần Văn N1:

[3.1]. Theo lời khai, tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và kết quả xác minh tại địa phương, có căn cứ xác định: Bà N và ông N1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký và được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 28/10/2003 (*thể hiện tại bản sao trích lục kết hôn số 297/TLKH-BS ngày 22/9/2022 của UBND xã Đ*). Vì vậy, bà N có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình hôn nhân giữa bà N và ông N1 có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về lối sống, mâu thuẫn trong tính cách, công việc, vợ chồng thiếu sự quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau, nên cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc, không còn tình nghĩa vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông N1 vắng mặt không trình bày ý kiến trong vụ án, trong khi đó bà N không có nguyện vọng đoàn tụ. Chứng tỏ rằng hôn nhân giữa các đương sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, thể hiện ở việc giữa vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đã sống ly thân trong thời gian dài. Vì vậy, việc ly hôn theo yêu cầu của bà N đối với ông Nghĩa L có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên được chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: bà N và ông N1 có 02 người con chung tên là Trần Văn N2, sinh năm 2004 đã thành niên và Trần Văn K, sinh ngày 26/12/2008 chưa thành niên. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con là cháu Trần Văn K, sinh ngày 26/12/2008 cho đến khi thành niên là phù hợp với nguyện vọng của con và bị đơn không có ý kiến phản đối, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3]. Về cấp dưỡng: bà N tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét.

[3.4]. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, các Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025 theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội*).

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N:

- *Về hôn nhân*: bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Trần Văn N1.

- *Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn*: bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con chung tên Trần Văn K, sinh ngày 26/12/2008 cho đến khi thành niên. Ông Trần Văn N1 không phải cấp dưỡng cho con nhưng có quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. *Án phí*: bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001537 ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 - Lâm Đồng); sau khi khấu trừ, bà N đã nộp đủ án phí.

[3]. *Quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn: UBND xã Nghị Đức.
- Phòng THADS khu vực 16 - Lâm Đồng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tân